

Số:            /GP-BTNMT

Hà Nội, ngày        tháng        năm 2021

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;*

*Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt công trình thủy điện Chiềng Muôn, tỉnh Sơn La của Công ty cổ phần Năng lượng DTK và Hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty cổ phần Năng lượng DTK (có địa chỉ số nhà 99, Đường Hoàng Quốc Việt, Bản Buôn, Phường Chiềng Cơi, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình: thủy điện Chiềng Muôn.
2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: phát điện.
3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: suối Kim, suối Chiến (suối Nậm Chiến) và suối Huổi Mong, thuộc hệ thống sông Đà.
4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng nước:
  - Đập chính, đập chuyển nước 2 và nhà máy thuộc địa phận xã Chiềng Muôn, huyện Mường La, tỉnh Sơn La; Đập chuyển nước 1 thuộc địa phận xã Nậm Păm và xã Chiềng Muôn, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.
  - Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°00', múi chiều 3°) các hạng mục chính của công trình:

TT	Hạng mục	Tọa độ	
		X	Y
1	Đập chính (suối Kim)	2380182	512338
2	Đập chuyển nước 1 (suối Chiến)	2383216	512830

TT	Hạng mục	Tọa độ	
		X	Y
3	Đập chuyển nước 2 (suối Huổi Mong)	2378677	510938
4	Nhà máy thủy điện	2379365	510049

5. Chế độ khai thác: hồ chứa (trên suối Kìm) công trình thủy điện Chiềng Muôn hoạt động theo chế độ điều tiết ngày đêm.

6. Lượng nước khai thác, sử dụng: công suất lắp máy là 13,2 MW, lưu lượng lớn nhất qua nhà máy thủy điện là 5,494 m<sup>3</sup>/s.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: công trình thủy điện Chiềng Muôn là công trình thủy điện kiểu đường dẫn, tuyến đập chính được xây dựng trên suối Kìm, đập chuyển nước 1 được xây dựng trên suối Chiến (nước chuyển về hồ tại đập chính), đập chuyển nước 2 được xây dựng trên suối Huổi Mong (nước được chuyển về đường ống áp lực từ đập chính tới nhà máy), nước từ đập dâng qua cửa lấy nước vào hầm dẫn đến nhà máy để phát điện, nước sau khi phát điện được xả trả lại suối Nậm Chiến tại vị trí cách tuyến đập trên suối Chiến, suối Kìm, suối Huổi Mong lần lượt khoảng 8,6km, 3,9km và 0,8km.

8. Thời hạn của Giấy phép là mười (10) năm.

**Điều 2.** Công ty cổ phần Năng lượng DTK chỉ được phép khai thác, sử dụng nước theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Khi hồ chứa của công trình thủy điện Chiềng Muôn được cơ quan có thẩm quyền cho phép tích nước theo quy định.

2. Thực hiện đúng các quy định của Quy trình vận hành hồ chứa được cơ quan có thẩm quyền ban hành; tuân thủ theo lệnh vận hành hồ chứa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp lũ, lụt, hạn hán thiếu nước và các trường hợp khẩn cấp khác.

3. Bảo đảm duy trì lưu lượng xả thường xuyên, liên tục sau đập chính trên suối Kìm không nhỏ hơn 0,087 m<sup>3</sup>/s, sau đập chuyển nước 1 trên suối Chiến không nhỏ hơn 1,126 m<sup>3</sup>/s và sau đập chuyển nước 2 trên suối Huổi Mong không nhỏ hơn 0,03 m<sup>3</sup>/s. Khi có yêu cầu cấp nước gia tăng ở hạ du của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, phải vận hành công trình thủy điện Chiềng Muôn xả nước về hạ du theo yêu cầu.

4. Xây dựng quy chế và phương án phối hợp vận hành với đơn vị quản lý, vận hành các hồ chứa, đập dâng và các địa phương ở khu vực thượng và hạ du trong việc bảo đảm an toàn công trình, điều tiết giảm lũ, dòng chảy tối thiểu, nhu cầu sử dụng nước ở hạ du theo quy định, bảo đảm không gây lũ, lụt, ngập úng nhân tạo, thiếu nước ở hạ du và cung cấp, trao đổi, cập nhật thông tin, số liệu vận hành của các công trình thủy điện trên suối Chiến.

5. Hoàn thành việc lắp đặt camera và các thiết bị quan trắc tự động để thực hiện việc quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến mực nước hồ, lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu, giám sát định kỳ lưu lượng qua tràn; kết nối, cập nhật số liệu quan trắc tại công trình vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

6. Bố trí thiết bị, nhân lực để vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước; thực hiện quan trắc khí tượng, thủy văn, tổ chức dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa; lập sổ theo dõi lượng nước khai thác, sử dụng và việc xả dòng chảy tối thiểu hàng ngày, tháng, năm.

7. Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan ở khu vực hạ lưu đập trước khi vận hành xả lũ qua tràn hoặc bắt đầu vận hành xả nước qua phát điện.

8. Thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng, thủy văn, mưa lũ lớn, lũ ống, lũ quét, lũ bùn đá, sạt lở đất, các loại hình thiên tai và xây dựng phương án để bảo đảm vận hành công trình an toàn, đối phó với tình huống vỡ đập, các tình huống đe dọa nghiêm trọng đến an toàn công trình, tính mạng và tài sản của nhân dân; có trách nhiệm hỗ trợ người dân địa phương nơi xây dựng công trình.

9. Trường hợp do vận hành công trình thủy điện Chiềng Muôn gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản và hoạt động sản xuất của người dân địa phương ở phía thượng và hạ lưu thì phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả kịp thời và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

10. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác, sử dụng nước của công trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

11. Trường hợp gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác hoặc xảy ra sự cố công trình thì phải dừng ngay việc khai thác và báo cáo kịp thời đến các cơ quan chức năng ở Trung ương, địa phương để có biện pháp xử lý.

12. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường.

13. Trường hợp phát sinh mục đích khai thác, sử dụng nước khác hoặc phải điều chỉnh các nội dung của Giấy phép thì phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt và hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

14. Ngay sau khi công trình thủy điện Chiềng Muôn đi vào vận hành, phải thông báo cho Cục Quản lý tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La và các cơ quan, đơn vị có liên quan để theo dõi, giám sát.

15. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

16. Định kỳ hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước của công trình thủy điện Chiềng Muôn và gửi về Cục Quản lý tài nguyên nước và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La theo quy định.

**Điều 3.** Công ty cổ phần Năng lượng DTK được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần Năng lượng DTK còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/cáo);
- UBND tỉnh Sơn La;
- Cục Điều tiết điện lực - Bộ Công Thương;
- Thanh tra Bộ TNMT;
- Sở TN&MT tỉnh Sơn La;
- Cục Thuế tỉnh Sơn La;
- Công ty cổ phần Năng lượng DTK (02);
- Lưu: VT, Hồ sơ cấp phép mã TNN-NM-120.20 (02), VPMC Bộ TNMT, TNN (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Công Thành**